

Số: 67/2026/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 10 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại;
cụ thể điều kiện tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 791/TTr-SNNMT ngày 22 tháng 6 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại; cụ thể điều kiện tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030; quy định cụ thể nội dung “100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)” thuộc điều kiện tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo quy định tại mục số 9 Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 2. Quy định các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại; cụ thể điều kiện tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030

1. Quy định các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026 - 2030 (theo Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này).

2. Quy định các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh

Bắc Ninh giai đoạn 2026 -2030 (theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này).

3. Quy định cụ thể nội dung “100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)” thuộc điều kiện tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 (theo Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này).

4. Các chỉ tiêu, tiêu chí quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ để tổ chức đánh giá, thẩm định, xét công nhận, thu hồi quyết định công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo quy định.

5. Nội dung quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này là căn cứ để đánh giá việc thực hiện nội dung xử lý hồ sơ công việc tại cấp tỉnh trên môi trường mạng theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại và các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này.

b) Chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu, tiêu chí và nội dung quy định tại Quyết định này khi có sự điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền hoặc phát sinh yêu cầu thực tiễn.

2. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý ngành, lĩnh vực phụ trách theo các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Chủ trì hoặc phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các giải pháp nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc lĩnh vực quản lý.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc theo dõi, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Quyết định này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các nội dung thuộc Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân các xã

a) Tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí xã nông thôn mới, xã

nông thôn mới hiện đại và các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này trên địa bàn.

b) Xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực; duy trì và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu, tiêu chí đã đạt.

c) Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu phục vụ công tác theo dõi, đánh giá theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở thuộc UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Chủ tịch UBND các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 4;
- Ban Chỉ đạo TW các CT.MTQG;
- Bộ NN&MT, Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận TU;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Thành viên BCĐ tỉnh;
- UBND các xã;
- Báo và PTTH BN;
- Văn phòng UBND tỉnh: LDVP, KTN, THĐT, KTTH, TTTT tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Xuân Lợi

Phụ lục I: QUY ĐỊNH CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xã hoặc quy hoạch đô thị được phê duyệt, được công bố công khai đúng thời hạn và ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch	Đạt	- Có quy hoạch chung đô thị - Có quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xã <i>(đối với xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%)</i>	Có quy hoạch chung đô thị hoặc quy hoạch chung xã		Sở Xây dựng
		1.2. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới	Đạt	Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết điểm dân cư mới		Không quy định	
		1.3. Có quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt hoặc được tích hợp trong quy hoạch chung xã	Đạt	Đạt		Không quy định	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
2	Hạ tầng kinh tế - xã hội	2.1. Hệ thống đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo kết nối và được bảo trì hàng năm; tỷ lệ đường xã đạt chuẩn theo quy hoạch đạt 100%, tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường đạt $\geq 50\%$; đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa	Đạt	100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt, phù hợp với tốc độ đô thị hóa; $\geq 50\%$ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường	100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; $\geq 50\%$ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường		Sở Xây dựng
				100% đường xã đạt cấp kỹ thuật đường đô thị theo Tiêu chuẩn quốc gia	100% đường xã được đầu tư xây dựng hoặc nâng cấp cải tạo đạt chuẩn quy hoạch được duyệt; 100% đường xã có cấp kỹ thuật tối thiểu đạt cấp B theo Tiêu chuẩn quốc gia		
				100% đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (<i>bê tông hóa hoặc nhựa hóa</i>)	$\geq 90\%$ đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (<i>bê tông hóa hoặc nhựa hóa</i>)	$\geq 60\%$ đường thôn, ngõ, xóm được cứng hóa (<i>bê tông hóa hoặc nhựa hóa</i>)	
				100% đường giao thông nông thôn trên địa bàn được tổ chức thực hiện công tác bảo trì hàng năm; $\geq 50\%$ chiều dài đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường			

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		2.2. Các công trình thủy lợi do xã quản lý được bảo trì hàng năm, đảm bảo diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	Đạt	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 95\%$.	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 85\%$.	Diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt tỷ lệ $\geq 50\%$.	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.3. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng, chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Tốt	Khá	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.4. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	$\geq 98\%$	100%	$\geq 99\%$	$\geq 98\%$	Sở Công thương
		2.5. Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Đạt	Có chợ đạt chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm theo quy định hoặc siêu thị hạng 3 trở lên	Đáp ứng một trong các yêu cầu sau: - Có chợ đạt tiêu chí theo quy định và đáp ứng các yêu cầu chung theo tiêu chuẩn đánh giá chợ kinh doanh thực phẩm; - Có chợ đạt tiêu chí theo quy định và có ít nhất 01 khu vực kinh doanh đáp ứng yêu	Có chợ phù hợp với quy hoạch hoặc có cơ sở bán lẻ khác phù hợp	Sở Công thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
					cầu đối với cơ sở kinh doanh thực phẩm tại chợ; - Có siêu thị mini trở lên theo quy định		
		2.6. Có hạ tầng viễn thông đảm bảo phủ sóng, internet đến 100% khu dân cư nông thôn, vùng sản xuất	Đạt	Đạt			Sở Khoa học và Công nghệ
3	Phát triển kinh tế nông thôn	3.1. Tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người	Bình quân từ 9,5 - 12%/năm	$\geq 10,5\%$	$\geq 10\%$	$\geq 9,5\%$	Thống kê Bắc Ninh
		3.2. Vùng nguyên liệu tập trung đối với cây trồng, vật nuôi chủ lực của xã được chứng nhận chất lượng, gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm	Đạt	Đạt (Không quy định đối với xã có tỷ trọng ngành nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế dưới 10%)	Đạt		Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.3. Có mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hoặc mô hình kinh tế xanh hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥01 mô hình	≥ 03 mô hình ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 02 mô hình ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc có ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	≥ 01 mô hình ứng dụng công nghệ cao hiệu quả hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế xanh hoặc ≥ 01 mô hình kinh tế tuần hoàn hiệu quả	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.4. Có kế hoạch và thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển sản phẩm OCOP gắn với đặc trưng, thế mạnh của địa phương	Đạt	≥ 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên còn thời hạn, hoặc ≥ 02 sản phẩm OCOP 3 sao còn thời hạn và có lộ trình cụ thể trong kế hoạch để phát triển ≥ 01 sản phẩm OCOP 4 sao trở lên		Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt 3 sao trở lên còn thời hạn	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.5. Các mô hình du lịch nông thôn (nếu có) trong quy hoạch chung xã được đầu tư hạ tầng đồng bộ kết nối và hoạt động hiệu quả gắn với đặc trưng của địa phương	Đạt	Các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn xã được công nhận là điểm du lịch hoặc là điểm du lịch cộng đồng hoặc được công nhận là sản phẩm OCOP			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.6. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả	Đạt	≥ 01 HTX			Sở Tài chính
		3.7. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥ 01	Không quy định	≥ 01		Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.8. Tỷ lệ hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi theo quy định	$\geq 40\%$	$\geq 60\%$	$\geq 50\%$	$\geq 40\%$	Hội Nông dân tỉnh
		3.9. Có hoạt động phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn gắn với tạo việc làm, thu nhập cho người lao động địa phương	Đạt	Đạt			Sở Tài chính

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		3.10. Có khu công nghiệp hoặc cụm công nghiệp hoặc làng nghề được công nhận hoặc khu vực sản xuất dịch vụ quy mô phù hợp được quy hoạch, đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng các quy định của pháp luật	≥01		≥01		- BQL các KCN phụ trách nội dung khu công nghiệp; - Sở Công thương phụ trách nội dung cụm công nghiệp; - Sở Nông nghiệp và Môi trường phụ trách nội dung làng nghề (hoặc làng nghề truyền thống) và nội dung khu vực sản xuất dịch vụ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
4	Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn	4.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	≥27%	≥40%	≥35%	≥27%	Sở Nội vụ
		4.2. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông	Đạt	≥60%	≥50%	≥40%	Sở Giáo dục- Đào tạo
5	Văn hóa, Giáo dục, Y tế	5.1. Xã đạt tiêu chí về phát triển văn hóa	Đạt	Đạt			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		5.2. Xã đạt tiêu chí về phát triển giáo dục	Đạt	Đạt			Sở Giáo dục- Đào tạo
		5.3. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt			Sở Y tế
		5.4. Trạm y tế xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và các dịch vụ chăm sóc xã hội	Đạt	Đạt			Sở Y tế

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
6	Giảm nghèo và An sinh xã hội	6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	≤2%	≤2%	≤5%	≤13%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	≥75%	≥95%	≥85%	≥75%	Sở Xây dựng
		6.3. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Đạt	≥80% (trong đó ≥20% tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	≥70% (trong đó ≥10% tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung)	≥ 60%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	Đạt	≥65%	≥60%	≥50%	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh
		6.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới	Đạt	Đạt			Sở Nội vụ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		6.6. Có hoạt động phòng, chống xâm hại trẻ em; chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có)	Đạt	Đạt			Sở Y tế
		6.7. Đảm bảo an toàn thực phẩm	Đạt	100% số hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại địa bàn xã tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		7.1. Điểm bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số tại địa bàn	Đạt	≥ 01 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính thuộc mạng bưu chính công cộng có khả năng hỗ trợ phục vụ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến			Sở Khoa học và Công nghệ
7	Khoa học công nghệ và Chuyển đổi số	7.2. Tỷ lệ số hóa dữ liệu về nông nghiệp và môi trường	Đạt	≥95%	≥85%	≥70%	Sở Nông nghiệp và Môi trường
				Hồ sơ, tài liệu công việc về nông nghiệp và môi trường phát sinh mới được tạo lập và xử lý trên môi trường điện tử đạt tỷ lệ 100% và hoàn thành số hóa tài liệu lưu trữ; 100% thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên tổng số thủ tục hành chính về nông nghiệp và môi trường			
		7.3. Triển khai hiệu quả hoạt động thương mại điện tử	Đạt	Đạt		Không quy định	Sở Công thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		7.4. Có mô hình thôn thông minh	≥ 01 mô hình	≥02	≥01	Không quy định	Sở Khoa học và Công nghệ
8	Môi trường và cảnh quan nông thôn	8.1. Hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn (nếu có) trên địa bàn đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom, xử lý đạt ≥80%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng chất thải rắn phát sinh	Đạt	Đạt			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.2. Tỷ lệ chất thải chăn nuôi, chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, xử lý, tái chế thành sản phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu, phân bón	≥90%	≥90%			Sở Nông nghiệp và Môi trường
		8.3. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, làng nghề (nếu có) theo quy hoạch và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường	100%	100%			Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
		8.4. Có phương án và thực hiện phương án phù hợp về thoát nước, thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư nông thôn trên địa bàn xã đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường	Đạt	- Có phương án thoát nước mặt và thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với địa hình và khu dân cư; có giải pháp xây dựng công trình và phi công trình nhằm giảm thiểu ngập úng và ô nhiễm môi trường - Chỉ tiêu xử lý nước thải sinh hoạt: Đảm bảo tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp (phi tập trung) đạt $\geq 50\%$			Sở Xây dựng
				≥ 01 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp kỹ thuật phù hợp, nước thải đầu ra đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường	Không quy định		
		8.5. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; có mô hình cải tạo, phục hồi cảnh quan, xử lý chất lượng nước mặt ao hồ, kênh mương trên địa bàn	Đạt	Đạt			Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Xây dựng hệ thống chính trị và Hành	9.1. Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội xã được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt			Sở Nội vụ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Quy định đối với từng nhóm xã			Sở ngành phụ trách
				Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3	
	chính công	9.2. Trung tâm phục vụ hành chính công hoạt động hiệu quả, tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt $\geq 90\%$	Đạt	Đạt			Văn phòng UBND tỉnh chủ trì; Sở Tư pháp phối hợp
10	Tiếp cận pháp luật và An ninh, Quốc phòng	10.1. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật	Đạt	Đạt			Sở Tư pháp
		10.2. An ninh, trật tự được bảo đảm; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở phát huy hiệu quả, đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động	Đạt	Đạt			Công an tỉnh
		10.3. Có hệ thống camera AI giám sát an ninh trên địa bàn toàn xã	Đạt	Đạt			Công an tỉnh
		10.4. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Đạt	Đạt			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

**Phụ lục II: QUY ĐỊNH CÁC CHỈ TIÊU, TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI HIỆN ĐẠI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC NINH GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo quy định đối với xã nhóm 1 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030).
2. Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới hiện đại phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nhóm 1 trên địa bàn tỉnh, thành phố tại cùng thời điểm.
3. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới hiện đại sau:

TT	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu	Sở ngành phụ trách
1	Hạ tầng số và sử dụng nguồn năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo	1.1. Tỷ lệ thôn, bản có hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao (<i>cáp quang, 4G/5G</i>)	100%	Sở Khoa học và Công nghệ
		1.2. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối internet băng rộng cố định, đảm bảo nhu cầu sử dụng	≥ 95%	
		1.3. Tỷ lệ các điểm công cộng (<i>nhà văn hoá thôn, điểm du lịch cộng đồng, ...</i>) có điểm truy nhập wifi miễn phí; tốc độ tối thiểu 300Mbps hoặc được phủ sóng thông tin di động 5G	100%	
		1.4. 100% đường trục chính của xã và thôn được lắp đặt hệ thống đèn chiếu sáng (<i>trong đó ≥ 30% sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo</i>)	Đạt	Sở Công thương

TT	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu	Sở ngành phụ trách
2	Có mô hình nông nghiệp thông minh; phát triển toàn diện kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	2.1. ≥ 01 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (<i>IoT, tự động hóa</i>) hoặc mô hình kinh tế tuần hoàn, liên kết chuỗi giá trị toàn trình (<i>từ sản xuất đến thương mại điện tử</i>)	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		2.2. Có sản phẩm OCOP được công nhận 4 sao còn thời hạn	≥ 02	
		2.3. Tỷ lệ nông dân, người lao động nông thôn được đào tạo kỹ năng số, kỹ năng kinh doanh trực tuyến	$\geq 40\%$	Sở Công thương
		2.4. Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuyển đổi số ứng dụng công nghệ số trong điều hành, quản lý, sản xuất và kinh doanh trên sàn thương mại điện tử	$\geq 80\%$	
		2.5. Các cơ sở y tế trên địa bàn ứng dụng chuyển đổi số, liên thông dữ liệu, quản lý sức khỏe người dân	Đạt	Sở Y tế
		2.6. Các trường học công lập (<i>Mầm non, Tiểu học, THCS</i>) trên địa bàn xã đạt chuẩn mức độ 2 đồng thời áp dụng quản lý, giảng dạy và học tập trên nền tảng số	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Bảo đảm an sinh xã hội; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn	3.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều	$\leq 1\%$	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		3.2. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn "5 không, 3 sạch, 3 an"	$\geq 80\%$	Hội LHPN tỉnh
		3.3. Có mô hình hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, mô hình kinh tế do người trẻ, tri thức dẫn đầu; mô hình hỗ trợ sinh kế cho đối tượng yếu thế	≥ 01	Tỉnh đoàn Thanh niên

TT	Tiêu chí	Nội dung	Chỉ tiêu	Sở ngành phụ trách
4	Môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống	4.1. Các di tích, điểm di tích trên địa bàn có mã QR code để du khách và người dân tra cứu thông tin, kết nối với nền tảng du lịch thông minh của tỉnh	100%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		4.2. Tỷ lệ thôn được công nhận Thôn văn hóa	100%	
5	Cảnh quan, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	5.1. 100% hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (trong đó tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ công trình cấp nước tập trung $\geq 50\%$)	Đạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
		5.2. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại, thu gom và xử lý theo quy định	$\geq 80\%$	
		5.3. Có mô hình bảo vệ môi trường nông thôn theo hướng xanh, tuần hoàn hoặc giảm phát thải hoạt động hiệu quả	≥ 01	
6	An ninh, trật tự được bảo đảm; lực lượng Công an xã được xây dựng trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại	6.1. Các mô hình nhóm Zalo kết nối giữa lực lượng Công an xã, lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở với cán bộ và Nhân dân trên địa bàn xã phục vụ công tác đảm bảo ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt	Công an tỉnh
		6.2. Có ≥ 01 sáng kiến hoặc mô hình ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác tuyên truyền phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT được cấp có thẩm quyền công nhận (<i>trừ hệ thống Camera AI giám sát an ninh</i>).	Đạt	

Phụ lục III:

QUY ĐỊNH CỤ THỂ NỘI DUNG “100% HỒ SƠ CÔNG VIỆC TẠI CẤP TỈNH ĐƯỢC XỬ LÝ TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG (TRỪ HỒ SƠ CÔNG VIỆC THUỘC PHẠM VI BÍ MẬT NHÀ NƯỚC)” THUỘC ĐIỀU KIỆN TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Tên Chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách
1	Nhóm chỉ tiêu về số hóa đầu vào	100% văn bản đến (trừ văn bản thuộc phạm vi bí mật nhà nước) được tiếp nhận, cập nhật trên hệ thống điện tử.	UBND tỉnh (Văn phòng UBND tỉnh và các Sở: Tư Pháp, Khoa học và Công nghệ)
		100% hồ sơ công việc phát sinh mới được tạo lập trên môi trường điện tử.	
2	Nhóm chỉ tiêu về xử lý hồ sơ, công việc trên môi trường điện tử	100% hồ sơ công việc không thuộc danh mục bí mật nhà nước được xử lý trên môi trường mạng.	
		100% quy trình xử lý công việc nội bộ của cơ quan, đơn vị được thực hiện trên hệ thống điện tử.	
		100% trạng thái xử lý hồ sơ được cập nhật, theo dõi trên hệ thống quản lý.	
3	Nhóm chỉ tiêu về ký số và liên thông dữ liệu	100% văn bản đi (trừ văn bản mật) được ký số và phát hành điện tử theo quy định.	
		100% văn bản điện tử giữa các cơ quan cấp tỉnh được trao đổi, liên thông trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).	

TT	Tên Chỉ tiêu	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị phụ trách
4	Nhóm chỉ tiêu về quản trị dữ liệu, giám sát và điều hành	100% hồ sơ điện tử được gắn mã định danh, bảo đảm khả năng theo dõi, tra cứu và quản lý vòng đời hồ sơ.	
		100% cơ quan, đơn vị thực hiện thống kê, báo cáo trên môi trường số hoặc tích hợp báo cáo tự động từ hệ thống.	
		100% dữ liệu hồ sơ, kết quả xử lý được kết nối, chia sẻ phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát.	